

Số: /2025/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7161/TTr-SXD ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh } (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CN (V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

QUY ĐỊNH

Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2025/QĐ-UBND
ngày.... tháng..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Quy định này không áp dụng đối với các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đô thị là nơi tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ.

2. Thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật bao gồm: Bàn nâng lắp trên xe để người dùng xe lăn có thể lên xuống xe; cầu lên xuống xe để người dùng xe lăn có thể lên xuống xe; cửa ra, vào ưu tiên; xe lăn; đai an toàn cho người dùng xe lăn; hệ thống neo giữ xe lăn; ghế ưu tiên đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. Xe phục vụ mục đích công cộng gồm: Xe thư báo, xe bảo trì, sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ, điện lực, hệ thống chiếu sáng, trang trí, viễn thông, xe sửa chữa ống nước, chăm sóc cây xanh trong đô thị.

4. Xe cứu hộ giao thông đường bộ là xe ô tô chuyên dùng có trang bị dụng cụ, thiết bị dùng để cứu hộ, hỗ trợ di chuyển hoặc chuyên chở các phương tiện giao thông đường bộ bị hư hỏng, bị sự cố.

Điều 4. Yêu cầu chung về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo quy định tại Điều 56 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

2. Hoạt động vận tải hành khách đường bộ trong đô thị phải thực hiện theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024, Điều 57 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

3. Hoạt động vận tải hàng hóa đường bộ trong đô thị phải thực hiện theo quy định tại Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024, Điều 61 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

4. Phương tiện vận tải đường bộ hoạt động trong đô thị phải dừng, đỗ, đón trả hành khách, xếp dỡ hàng hóa theo quy định tại Điều 18 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

5. Phương tiện vận tải đường bộ hoạt động trong đô thị phải chấp hành theo phương án tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

6. Phương tiện vận tải đường bộ hoạt động trong đô thị phải đảm bảo các quy định

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

b) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị theo quy định tại Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

7. Người điều khiển phương tiện vận tải đường bộ hoạt động trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 56 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; Điều 59, Điều 63 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Chương II

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ

Điều 5. Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, xe tuyến cố định, xe trung chuyển

1. Xe buýt phải hoạt động đúng tuyến, hành trình, tần suất, thời gian hoạt động và được dừng đón, trả khách tại các điểm dừng xe buýt theo lộ trình tuyến; được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, nhà ga, sân bay, bến cảng, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch,

địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại, đầu mối giao thông và các địa điểm kết nối với các phương thức vận tải khác; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị. Xe buýt phải có dụng cụ để gom rác thải của hành khách đi trên xe, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

2. Xe tuyến cố định phải hoạt động đúng hành trình và dừng, đón, trả khách đúng nơi quy định. Không được chở quá số người được phép chở theo quy định; có biện pháp giữ gìn vệ sinh, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

3. Xe trung chuyển chỉ được hoạt động vận tải trung chuyển hành khách trong phạm vi địa bàn địa phương (cấp tỉnh) nơi cấp phù hiệu; được phép đón, trả khách đi các tuyến vận tải khách cố định đến bến xe khách hoặc điểm dừng đón, trả khách của tuyến cố định trên địa bàn địa tỉnh; không được phép thu tiền hành khách.

Điều 6. Hoạt động vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng

1. Hoạt động vận tải khách du lịch được ưu tiên bố trí nơi dừng đỗ thuận tiện để đón, trả khách du lịch, nhưng phải chấp hành phương án tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc quy định của chính quyền địa phương. Trường hợp dừng đón trả khách du lịch tại các bến xe khách, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch thì phải thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe khách, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch.

2. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng

a) Chỉ được đón, trả khách theo đúng địa điểm trong hợp đồng vận tải đã ký kết; không được gom khách, đón khách ngoài danh sách đính kèm theo hợp đồng đã ký do đơn vị kinh doanh vận tải cung cấp;

b) Hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách, đồng thời phải giữ gìn an ninh trật tự xã hội và giữ vệ sinh chung; các điểm dừng, đỗ đón trả khách phải đảm bảo an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển hành khách.

Điều 7. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Xe taxi đón, trả khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả khách.

2. Xe taxi được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, nhà ga, sân bay, bến cảng, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị.

Điều 8. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Xe chở hàng phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe theo phương án tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Hàng hóa trên xe phải xếp gọn gàng theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

2. Trường hợp xe chở hàng hóa quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng trên đường bộ mà cần thiết phải hoạt động trong đô thị thì phải có Giấy phép lưu hành xe còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 9. Hoạt động vận tải người, hàng hoá nội bộ bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ

Hoạt động vận tải người, vận tải hàng hoá nội bộ bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ phải tuân thủ quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Điều 10. Hoạt động của xe cứu hộ giao thông đường bộ

Xe cứu hộ giao thông đường bộ phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định tại Điều 54 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Điều 11. Thời gian và phạm vi hoạt động

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi; xe trung chuyển; xe ô tô đưa đón cán bộ, nhân viên, công nhân, trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên (xe ô tô chở người nội bộ) được hoạt động 24/24 giờ hàng ngày trên các tuyến đường trong đô thị, trừ các tuyến đường có cấm biển báo cấm hoặc hạn chế loại phương tiện hoạt động.

2. Xe hợp đồng, xe chở khách du lịch, xe ô tô chở hàng (bao gồm xe ô tô kinh doanh vận tải và xe ô tô chở hàng nội bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị theo phương án tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quyết định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

4. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quyết định số 53/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

5. Phạm vi hoạt động của xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh *thực hiện theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND* ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

6. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng được phép hoạt động 24/24 giờ hàng ngày trên các tuyến đường trong đô thị; trong quá trình hoạt động phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

7. Xe cứu hộ giao thông được hoạt động 24/24 giờ hàng ngày trên các tuyến đường trong đô thị.

Chương III

TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 12. Quy định về phương tiện để người khuyết tật tiếp cận sử dụng

Xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật phải có kết cấu để người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng theo quy định tại Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ và đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng (QCVN 82:2024/BGTVT).

Điều 13. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, cụ thể:

a) Đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10%/tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến (tối thiểu phải có 1 xe);

b) Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 2% tỷ lệ phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

c) Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 20% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

d) Đối với những phương tiện đã tham gia vận chuyển hành khách trên các tuyến xe buýt đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, nếu không có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận thì nhân viên phục vụ trên xe phải có trách nhiệm giúp đỡ

người khuyết tật lên, xuống xe.

3. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sau ngày Quyết định này có hiệu lực phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng quy định tại Điều 12 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 13 của Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị có liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan có liên quan thực hiện phương án tổ chức giao thông; khảo sát, xác định vị trí, cắm biển cho phép phương tiện được dừng, đỗ xe, cấm dừng, đỗ xe; lắp đặt biển báo cấm phương tiện vận tải lưu thông trên các tuyến đường đô thị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Quy định này;

c) Hướng dẫn các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị, đảm bảo quỹ đất xây dựng hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị;

d) Hướng dẫn, triển khai việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông trong đô thị bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng;

đ) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan cho phù hợp.

2. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng chức năng tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường bộ đối với hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị theo các quy định hiện hành và theo Quy định này;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác tổ chức giao thông; khảo sát, xác định vị trí, cắm biển cho phép phương tiện được dừng, đỗ xe, cấm dừng, đỗ xe; lắp đặt biển báo cấm phương tiện lưu thông trên các tuyến đường trong đô thị.

3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

a) Tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và nhân dân trên địa bàn tỉnh;

c) Tuyên truyền, hướng dẫn và yêu cầu các đơn vị kinh doanh du lịch, lữ hành thực hiện nghiêm việc vận chuyển khách du lịch đến tham quan tại các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện nghiêm các nội dung có liên quan tại Quy định này;

b) Phối hợp Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác tổ chức, quản lý vị trí đón, trả khách cho xe hợp đồng, tại các điểm tham quan du lịch, di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên các tuyến đường trong đô thị.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các Sở, ngành có liên quan bảo đảm nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

6. Các sở, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý, tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quy định này đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị để biết và thực hiện.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị để biết và thực hiện.

2. Căn cứ tình hình hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị tại địa phương, chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành phương án tổ chức giao thông; khảo sát, xác định vị trí, cấm biển cho phép phương tiện được dừng, đỗ xe, cấm dừng, đỗ xe; lắp đặt biển báo cấm, hạn chế phương tiện vận tải lưu thông trên các tuyến đường đô thị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Quy định này.

3. Trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị, đảm bảo quỹ đất xây dựng hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị; bố trí nguồn vốn của địa phương để đầu tư xây dựng các điểm đầu, điểm cuối đối với các tuyến xe buýt có lộ trình trên địa bàn; hạ tầng giao thông cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng; điểm đậu, đỗ đón, trả khách cho xe taxi, xe hợp đồng trên các tuyến đường do địa phương quản lý.

4. Quy định vị trí tập kết rác thải tập trung đảm bảo thuận lợi cho việc bốc rác thải lên xe nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao

thông. Quy hoạch các khu vực tập kết hàng hóa, kho bãi, đầu mối trung chuyển hàng hóa nhằm hạn chế các phương tiện có trọng tải lớn ra vào trung tâm đô thị.

5. Trong quá trình thực hiện phương án tổ chức giao thông phục vụ hoạt động vận tải đường bộ trên các tuyến đường trong đô thị thuộc phạm vi quản lý, nếu có phát sinh yếu tố mất an toàn giao thông thì Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động (xin ý kiến Công an tỉnh, Sở Xây dựng nếu xét thấy cần thiết) để điều chỉnh phương án tổ chức giao thông nhằm đảm bảo hoạt động vận tải được lưu thông an toàn, thông suốt.

6. Tổng hợp, báo cáo việc triển khai Quy định này tại địa phương và tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn về Sở Xây dựng khi có yêu cầu.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ phương tiện, đơn vị vận tải

1. Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường, Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Yêu cầu lái xe, người điều khiển phương tiện khi tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải chấp hành phương án tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Yêu cầu các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo lộ trình quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 13 Quy định này.

4. Trang bị cho phương tiện vận tải hành khách của đơn vị thùng, túi thân thiện với môi trường để đựng rác; kiểm soát hành vi xả thải của hành khách trên xe không để gây ô nhiễm môi trường.

Điều 17. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện, người lái xe

Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, hoạt động vận tải đường bộ và quy định về vệ sinh môi trường.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời có báo cáo gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.